

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG AN TOÀN THẮNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG AN TOÀN THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH ĐT TM XD AN TOÀN THẮNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301123247

**3. Ngày thành lập:** 08/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 188, ấp Thới Lợi 1, Xã Thới Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0934434429

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải , xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                              | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                         | 4390     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng.                             | 4659     |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép, kim loại màu (trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                           | 4662     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                     | 4663     |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế, tư vấn thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, tư vấn thiết kế nội, ngoại thất công trình; Giám sát thi công xây dựng.                                                  | 7110     |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                    | 7410     |
| 10. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                               | 0810     |

|     |                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                              | 4932                                                         |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép, kim loại màu (trừ vàng miếng)                                                                                                                  | 4933                                                         |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                    | 7730                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                             | 4101                                                         |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                  | 4212                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình điện<br>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)                | 4221                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                           | 4222                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                            | 4223                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                             | 4229                                                         |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                      | 4291                                                         |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                               | 4292                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                         | 4293                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                    | 4299                                                         |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                        | 4311                                                         |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                             | 4312(Chính)                                                  |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                     | 4321                                                         |
| 28. | “Doanh nghiệp phải đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và các quy định khác về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đi vào hoạt động.” | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/11/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084086008474

Ngày cấp: 09/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, Xã Thanh Phú, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 3, Xã Thanh Phú, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 09/05/2023 đến ngày 08/06/2023

\* Họ và tên: PHẠM VĂN TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084086008474

Ngày cấp: 09/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, Xã Thạnh Phú, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 3, Xã Thạnh Phú, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre